

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Diệu;
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 822/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số:109/2026/QĐST -HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1982; thường trú ở I khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1973; thường trú: I khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2025 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Phan Văn T tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 01, quyển số:01/2005 ngày 04 tháng 01 năm 2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không còn cảm thông cho nhau. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Tuấn P, sinh ngày 10/3/2014 và Phan Lê D1, sinh ngày 19/7/2005. Sau khi ly hôn, bà Lê D yêu cầu được trực tiếp và nuôi dưỡng con chung tên Phan Tuấn P, sinh ngày 10/3/2014, con chung Phan Lê D1, sinh ngày 19/7/2005 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Lê Thị D không yêu cầu ông Phan Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phan Tuấn P.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn T: Đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 02 năm 2026 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Lê Thị D và ông Phan Văn T tại Hội nữ phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh và được cung cấp thông tin như sau: Bà Lê Thị D không phải là thành viên nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, bà D cũng như ông T không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội Liên hiệp cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội hiệp nữ phường Đ không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà D và ông T. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Lê Thị D và ông Phan Văn T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số:01/2005 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng)

cấp ngày 04 tháng 01 năm 2005. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hoà thuận, hạnh phúc nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Quá trình tố tụng Toà án đã triệu tập ông Phan Văn T để hoà giải nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do, bà D cũng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt không tham gia hòa giải. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Tuấn P, sinh ngày 10/3/2014. Quá trình tố tụng ông Phan Văn T không có ý kiến gì đối với con chung. Cháu P hiện nay đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu P cũng muốn được ở với mẹ là bà Lê Thị D. Cháu Phan Lê D1, sinh ngày 19/7/2005 đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc giao cháu Phan Tuấn P, sinh ngày 10/3/2014 cho bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị D. Cháu Phan Lê D1, sinh ngày 19/7/2005 đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Phan Văn T

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Phan Văn T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số:01/2005 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ,

huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 04 tháng 01 năm 2005).

1.2. Về con chung: Bà Lê Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Tuấn P, sinh ngày 10/3/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị D về việc không yêu cầu ông Phan Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Phan Lê D1, sinh ngày 19/7/2005 đã trưởng thành đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị D và ông Phan Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0044584 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16 -Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 -Tp Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

